

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v: “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản,
phân chia tài sản chung để thi hành án”**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Lê Văn Giang.

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Công Em - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 13/5/2022, về việc “Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án” theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc dân sự số 291/2022/QĐ-TA ngày 29/8/2022 và Quyết định hoãn phiên họp số 201/2022/QĐ-DS ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Trương Thị N, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị N: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp MB, xã M1, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền được xác lập ngày 06/4/2022.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Văn H, sinh năm 1973 (vắng mặt);

2. Bà Trần Thị B, sinh năm 1942 (vắng mặt);

3. Anh Trương Quốc Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt);

4. Bà Ngô Thị Tuyết H, sinh năm 1985 (vắng mặt);

5. Trương Minh H1, sinh ngày 15/02/2008 (vắng mặt);

6. Trương Ngọc H2, sinh ngày 12/5/2012 (vắng mặt);

Người đại diện theo pháp luật của Trương Minh H1, Trương Ngọc H2: Bà Trần Thị B, sinh năm 1942;

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu của bà Trương Thị N ngày 06/4/2022 và tại phiên họp người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị N là anh Nguyễn Văn L trình bày: Bà Trương Thị N là nguyên đơn trong vụ án tranh chấp hợp đồng góp hui với bị đơn là ông Trương Văn H, sinh năm 1973 và bà Ngô Thị Tuyết H, sinh năm 1985 cùng địa chỉ ấp H, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang giải quyết bằng bản án số 141/2020/DS-ST ngày 25/9/2020. Theo nội dung bản án số 141/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 thì ông H, bà **Tuyết H** có nghĩa vụ liên đới trả cho bà **Nsố** tiền 98.505.000 đồng.

Theo kết quả xác minh của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang thì ông Trương Văn H có tài sản chung với bà Trần Thị B là mẹ ruột ông H là quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7 m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B cùng ngày 05/12/2005.

Tại thông báo số 111/TB-CCTHADS ngày 24/5/2021, Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự huyện C đã thực hiện việc xác định phần sở hữu, sử dụng của ông Trương Văn H trong khối tài sản chung của hộ gia đình để kê biên, xử lý đảm bảo thi hành án nhưng không thực hiện được;

Nay bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án xác định phần sở hữu tài sản chung của ông Trương Văn H trong quyền sử dụng đất thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7 m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B để đảm bảo thi hành bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tại phiên họp sơ thẩm:

Anh Nguyễn Văn L là người đại diện theo ủy quyền của bà Trương Thị N giữ nguyên đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Văn H, bà Trần Thị B, anh Trương Quốc Đ, bà Ngô Thị Tuyết H, Trương Minh H1, Trương Ngọc H2 vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên họp phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ việc, Thẩm phán, Thư ký phiên họp đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị N, xác định thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7 m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B là tài sản chung của hộ bà Trần Thị B, ông H có 1/3 quyền sử dụng đối với thửa đất số 79 và 80.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện C nhận định:

[1] Người yêu cầu giải quyết việc dân sự bà Trương Thị N yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

[2] Xét thấy, yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị N là có căn cứ. Bồi lẽ:

[2.1] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tuyên xử: Buộc ông Trương Văn H và bà Ngô Thị Tuyết H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Trương Thị N số tiền 98.505.000 đồng.

[2.2] Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C và Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C cung cấp thì ông Trương Văn H có tài sản chung là quyền sử dụng đất thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7 m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho bà Trần Thị B đại diện hộ đứng tên.

Nguồn gốc thửa đất số 79 và 80 được cấp đổi từ thửa đất số 134, diện tích 4.100m² theo giấy chứng nhận sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00461 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Thị B ngày 28/01/1997. Tòa án nhân dân huyện C có công văn yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C xác định nguồn gốc thửa đất số 134 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Thị B ngày 28/01/1997 là cấp cho hộ hay cá nhân bà Trần Thị B. Tại công văn số 1311/CNVPĐKĐĐ-TTTLT ngày 15/9/2022 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C có ý kiến xác định không đủ cơ sở thông tin để xác nhận thửa đất số 134 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho Trần Thị B ngày 28/01/1997 là cấp cho hộ hay cá nhân bà Trần Thị B. Tuy nhiên theo giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B thì thửa đất số 79 và 80 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ gia đình bà Trần Thị B. Từ khi thụ lý việc dân sự đến khi mở phiên họp giải quyết việc dân sự, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý việc dân sự, các văn bản tố tụng, giấy triệu tập cho bà Trần Thị B và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không ai có ý kiến phản đối, tranh chấp về nguồn gốc các thửa đất, yêu cầu của người yêu cầu giải quyết việc dân sự và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Do đó bà Trương Thị N yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của ông H đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7 m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B là có căn cứ.

[2.3] Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ do Công an xã H1, huyện C cung cấp tại công văn số 34/CV-CAX ngày 11/8/2022 thì vào thời điểm ngày 05/12/2005 hộ Trần Thị B gồm có 03 thành viên là: Bà Trần Thị B, ông Trương Văn H và anh Trương Quốc Đ.

Như vậy, căn cứ quy định tại các Điều 102, Điều 212 của Bộ luật Dân sự có căn cứ xác định quyền sử dụng thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B là tài sản thuộc quyền sử dụng của hộ với 03 thành viên đồng sở hữu là: Bà Trần Thị B, ông Trương Văn H và anh Trương Quốc Đ.

[3] Về lệ phí: Bà Trương Thị N phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên họp phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 9 Điều 27, khoản 2 Điều 35, khoản 2 Điều 39, Điều 144, Điều 149, Điều 369, Điều 370, Điều 371, Điều 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 102, Điều 212 Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của bà Trương Thị N.

Xác định ông Trương Văn H được quyền sử dụng 1/3 đối với thửa đất số 79, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.213,7 m², loại đất ở nông thôn, đất trồng cây lâu năm và được quyền sử dụng 1/3 đối với thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, diện tích 168,5 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00405, H00403 cùng ngày 05/12/2005 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ bà Trần Thị B để đảm bảo thi hành bản án dân sự sơ thẩm số 141/2020/DS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

2. Về lệ phí sơ thẩm: Bà Trương Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016189 ngày 12/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên bà N đã thi hành xong lệ phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự được quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày ra quyết định; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Người yêu cầu;
- Lưu.

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Lê Văn Giang